

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam diễn biến giằng co trước khi giảm điểm nhẹ về cuối phiên

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

KBC, HDB

## [Cập nhật công ty]

POW

## [Quan điểm đầu tư]

Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

26/05/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,063.76	-0.08
VN30	1,060.81	-0.13
HĐTL VN30F1M	1,056.50	-0.05
HNXIndex	217.64	+0.40
HNX30	405.77	+0.40
UPCoM	80.58	-0.16
USD/VND	23,480	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.17	+9
Lãi suất qua đêm (%)	4.10	+14
Dầu (WTI, \$)	72.14	+0.43
Vàng (LME, \$)	1,952.92	+0.59



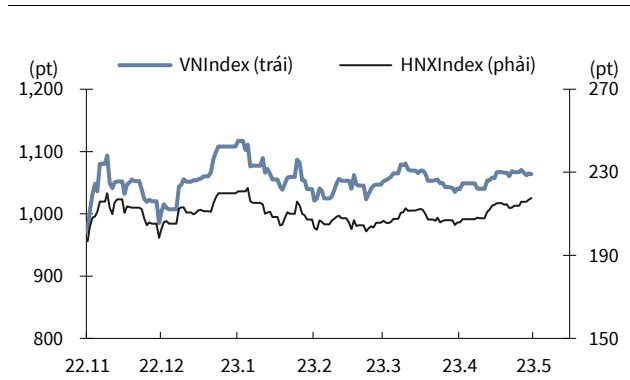
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,063.76 (-0.08%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>595.8 (-0.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>463.7 (-7.0%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>217.64 (+0.40%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>79.7 (-15.5%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>50.8 (-21.1%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>80.58 (-0.16%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>79.3 (+54.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>34.4 (+87.6%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>-14.6</b>

TTCK Việt Nam diễn biến giằng co trước khi giảm điểm nhẹ về cuối phiên dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn như Ngân hàng và Bất động sản với thanh khoản giảm nhẹ. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VHM (+0.0%), VND (+0.63%), HSG (-0.97%).

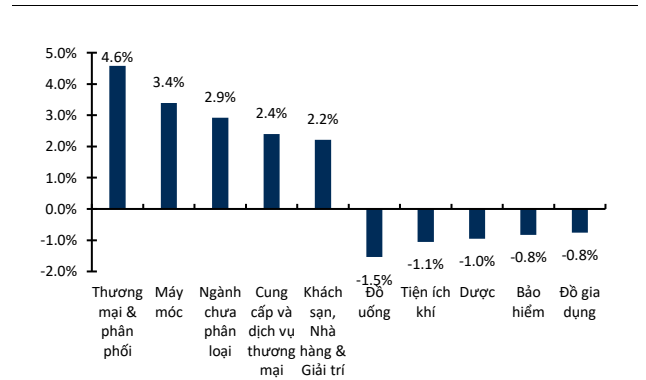
Tỷ lệ CASA của các NHTM tại thời điểm cuối tháng 3/2023 đều sụt giảm so với đầu năm. Tổng lượng tiền gửi không kỳ hạn theo BCTC của 28 ngân hàng đã công bố là hơn 1.51 triệu tỷ đồng, giảm 10% so với đầu năm. Điều này khiến tỷ lệ CASA giảm mạnh so với đầu năm và được ghi nhận tại tất cả ngân hàng trong hệ thống. Giá cổ phiếu nhóm Ngân hàng giảm giá ở VCB (+1.29%), BID (-0.80%). Số liệu thống kê của Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cho thấy, tính đến ngày 12/5, giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố đạt 8.236 tỷ đồng, đạt 20% tổng vốn mà TP.HCM giao đợt 1. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của TP.HCM trong 2 tháng qua tăng cao là nhờ việc thực hiện chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án đường Vành đai 3. Giá cổ phiếu nhóm Đầu tư công tăng giá ở CII (+3.28%), HHV (+0.70%).

**VNIndex & HNXIndex**



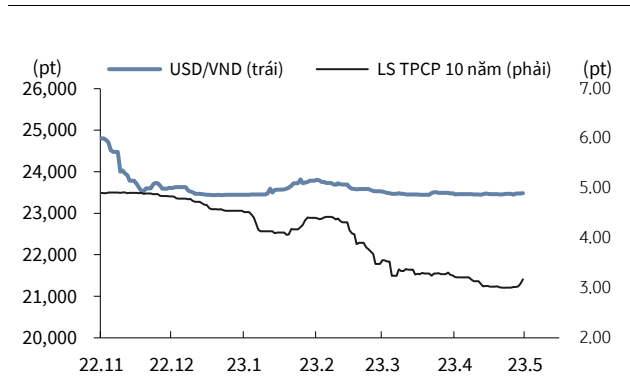
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



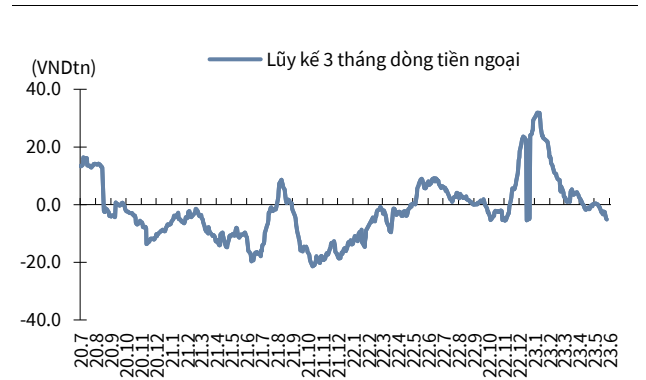
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

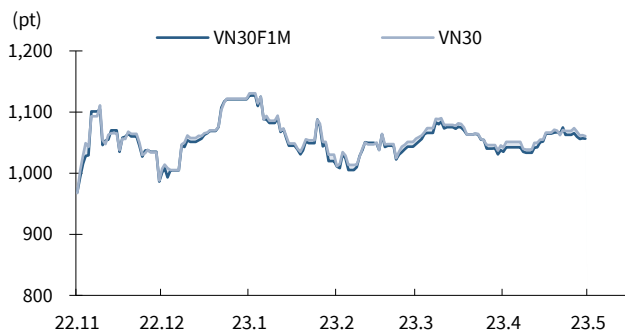
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,060.81 (-0.13%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,056.5 (-0.05%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,057.8</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,058.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,054.3</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 tại thời điểm mở cửa ở mức -5.15 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -6.9 điểm và đóng cửa tại -4.31 điểm. Khối lượng giao dịch tiếp tục giảm.

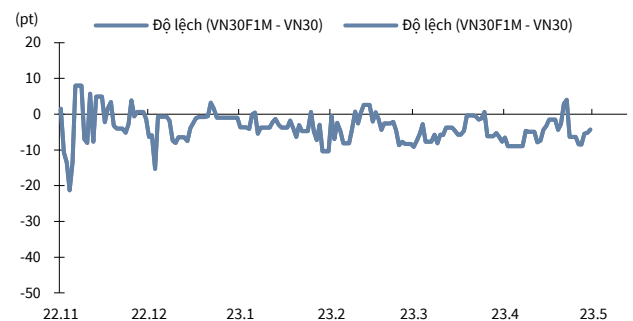
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>121,349 (-26.7%)</b>
------------------	-------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



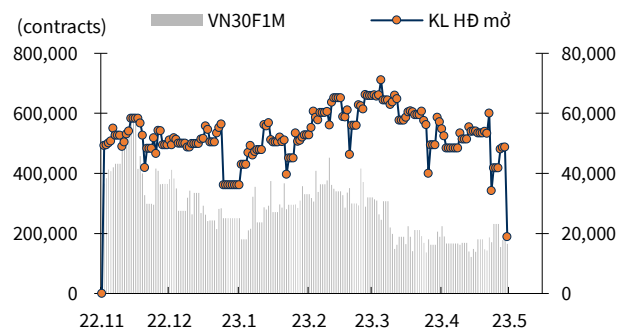
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



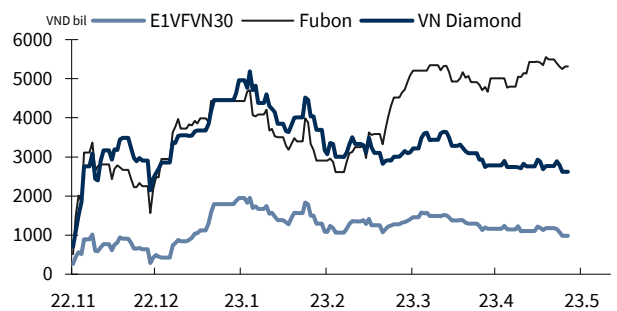
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

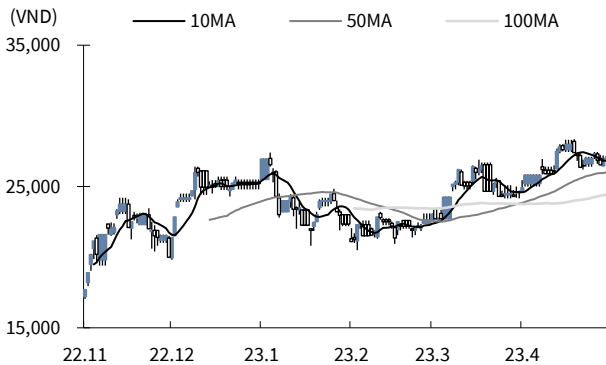
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

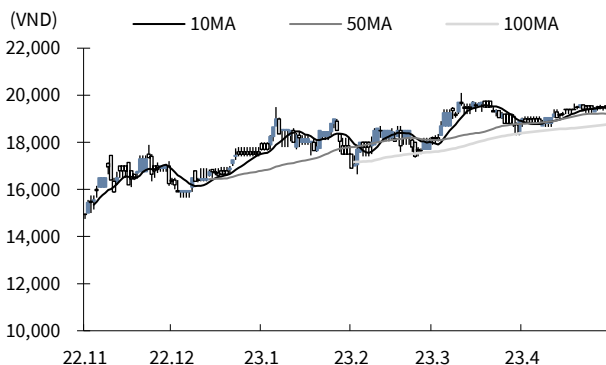
## Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 1.12% lên 27,000 VND/cp
- Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP vừa công bố kết quả mua lại trước hạn trái phiếu phát hành ra công chúng mã KBC121020. Tổng khối lượng trái phiếu công ty mua lại chỉ đạt gần 3.43 triệu trái phiếu, tương ứng gần 46% tổng số trái phiếu chào mua lại trước hạn. Khối lượng còn lại sau khi mua lại còn hơn 1,157 tỷ đồng tính theo mệnh giá.

## Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDB đóng cửa ở mức tham chiếu 19,500 VND/cp
- HDBank và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB), vừa tổ chức Lễ ký kết hợp tác về việc tư vấn mở rộng hoạt động tài trợ chuỗi với mục tiêu giúp HDBank phân tích danh mục tiềm năng, định hướng các dòng sản phẩm tài trợ chuyên biệt theo hướng công nghệ hóa.
- Tổng quy mô hoạt động Chuỗi đến cuối năm 2022 đạt gần 20,000 tỷ đồng, luôn duy trì mức tăng trưởng hàng năm hơn 35%, và đã liên thông được với nhiều chuỗi giá trị toàn cầu.

# TCT Điện lực Dầu khí (POW)

## Nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao

26/05/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận  
 thuannd@kbsec.com.vn

### Doanh thu và lợi nhuận 1Q2023 có diễn biến trái chiều

Doanh thu 1Q2023 của POW đạt 7,424 tỷ VND (+5% YoY) nhờ vào sản lượng tích cực của các nhà máy điện than và điện khí do nhu cầu tăng lên, cạnh tranh từ các nhà máy thủy điện suy giảm. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp của POW thấp hơn so với cùng kỳ do (1) 1Q2022 POW được ghi nhận 276 tỷ tiền đền bù tỷ giá (2) Giá nhiên liệu đầu vào cao hơn so với giá nhiên liệu chấp nhận trong hợp đồng mua bán điện PPA, suất hao nhiệt cao hơn cùng kỳ.

### Vũng Áng 1 dự kiến quay trở lại từ Quý 3/2023

Trong Đại hội cổ đông thường niên diễn ra vào tháng 4/2023, POW có đề cập đến việc phát hiện sự cố tại tuabin cao, trung áp của tổ máy số 1 nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Do đó, thời gian chạy thử và nghiệm thu dự kiến sẽ kéo dài khoảng 5 tháng, tức là đến cuối tháng 8/2023 (trước đó kỳ vọng là tháng 4/2023). Đây sẽ là yếu tố ảnh hưởng đến tổng sản lượng điện trong năm 2023 của POW. Vì vậy, chúng tôi hạ dự phóng sản lượng nhiệt điện từ nhà máy Vũng Áng 1 xuống còn 4,234 kWh (+25% YoY).

### Nhu cầu tiêu thụ điện dự báo sẽ tăng, đặc biệt vào mùa nắng nóng

Nhu cầu phụ tải điện đăng có xu hướng tăng cao, đặc biệt là vào mùa nắng nóng sắp tới. Mức nước tại các nhà máy thủy điện không còn dồi dào như 2022, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi trong các báo cáo cập nhật trước đó. Vì vậy, nhà máy nhiệt điện sẽ được huy động với mức cao hơn nhằm đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ điện.

### Khuyến nghị **NẮM GIỮ** với giá mục tiêu 14,800 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá SOTP, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu POW. Giá mục tiêu là 14,800 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 10% so với giá tại ngày 26/05/2023.

## NẮM GIỮ THAY ĐỔI

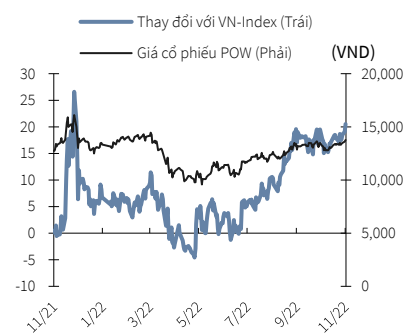
Giá mục tiêu	VND 14,800
Tăng/giảm (%)	10%
Giá hiện tại (26/05/2023)	13,600
Giá mục tiêu thị trường	15,400
Vốn hóa (tỷ VND)	31,615

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	105
Sở hữu nước ngoài (%)	6.49%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (79.94%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2	11	30	7
Tương đối	1	11	18	21

### Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	24,561	28,224	31,719	38,962
EBIT	2,400	2,858	2,315	3,142
LN sau CĐTS	1,799	2,061	1,818	2,298
EPS (VND)	757	871	776	981
Thay đổi EPS (%)	-24.2	15.1	-11.0	26.0
P/E (x)	23.1	13.4	22.8	18.0
EV/EBITDA (x)	8.4	9.4	9.8	9.6
P/B (x)	1.3	0.8	1.1	1.0
ROE (%)	6.6	7.7	5.7	6.5
Tỷ suất cổ tức (%)	1.7	0.7	0.0	0.0



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen về cuối phiên.
- Áp lực cung cầu tương đối cân bằng đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên đi ngang trung tính. Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1055 (+5) được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của chỉ số trong các nhịp điều chỉnh
- Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1069 - 1074

Kháng cự gần: 1059 - 1063

Hỗ trợ gần: 1050 - 1053

Hỗ trợ xa: 1042 - 1046

- F1 diễn biến giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen về cuối phiên.
- Áp lực cung cầu tương đối cân bằng đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên đi ngang trung tính. Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1050 (+3) được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của chỉ số trong các nhịp điều chỉnh.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời vị thế SHORT tại hỗ trợ gần, trải lệnh mở một phần vị thế LONG tại hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

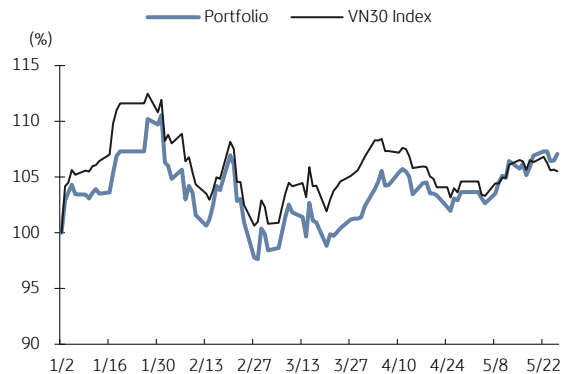
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.13%	0.55%
Tăng lũy kế (YTD)	5.53%	7.06%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/05/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	38,200	0.5%	-1.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	22,550	0.2%	7.6%	- Tiếp tục giữ vị trí dư nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,000	1.1%	25.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	23,650	1.1%	-3.5%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,300	2.4%	12.9%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,100	-0.1%	242.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,800	0.7%	47.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,700	-1.1%	27.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá đầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,100	-0.5%	89.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	27,000	1.1%	162.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	-1.3%	23.5%	66.6
VRE	0.0%	33.3%	20.2
VIC	-1.1%	12.9%	16.8
POW	1.1%	8.0%	13.1
NLG	2.2%	45.1%	12.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	24.4%	-103.1
VND	0.6%	23.0%	-58.3
HSG	-1.0%	16.7%	-47.6
CTG	0.7%	27.6%	-45.4
HPG	-0.5%	24.5%	-33.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.0%	1.1%	3.3
PVI	0.0%	59.7%	0.3
PLC	-0.3%	1.1%	0.2
VCS	1.3%	2.8%	0.1
WCS	0.3%	28.5%	0.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.3%	20.7%	-2.5
CEO	2.0%	4.5%	-1.4
LAS	2.9%	0.1%	-0.2
SHS	0.9%	5.9%	-0.2
MBS	0.6%	0.4%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	6.9%	PGV, NT2, PPC, TTA
Tập đoàn công nghiệp	4.8%	REE, BCG, PET, EVG
Máy móc	4.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bao bì & đóng gói	4.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Xây dựng và kỹ thuật	3.3%	DIG, HDG, VCG, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-3.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Kim loại & khai thác	-2.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Vận tải hàng không & Logistics	-2.7%	TMS, SCS, STG, ASG
Phụ tùng oto	-2.0%	DRC, CSM, PAC, TNC
Ngân hàng	-1.7%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	22.4%	PGV, NT2, PPC, TTA
Máy móc	16.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	11.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thương mại & phân phối	11.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Xây dựng và kỹ thuật	10.6%	DIG, HDG, VCG, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-8.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-4.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Bảo hiểm	-3.4%	BVH, MIG, BIC, BMI
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.0%	TNH, JVC, VMD
Phụ tùng oto	-1.9%	DRC, CSM, PAC, TNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	101,410 (4.3)	22.5	70.1	64.2	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	-1.1	-1.0	0.2	-3.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	82,186 (3.5)	26.6	8.1	7.5	35.9	18.6	17.2	1.4	1.2	0.0	1.7	14.6	14.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	78,629 (3.4)	17.8	16.1	14.4	-7.6	10.8	11.9	1.7	1.6	0.0	-1.1	0.7	5.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	233,770 (10.0)	31.3	5.5	3.9	6.7	6.5	-3.4	0.7	0.7	-1.9	-1.9	-7.2	-7.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	51,554 (2.2)	11.6	22.2	17.1	13.7	8.5	11.2	1.7	1.6	1.4	1.2	5.3	12.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	256,037 (10.9)	13.9	31.1	37.9	-	3.3	2.6	1.0	1.0	4.0	2.5	14.7	13.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	58,162 (2.5)	6.3	13.3	11.5	11.7	22.4	20.9	2.6	2.1	-1.3	-2.3	2.9	15.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	24,759 (1.1)	12.7	11.3	9.4	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	-0.8	-2.3	-1.6	12.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	101,047 (4.3)	0.0	5.3	4.5	14.3	16.2	16.5	0.8	0.7	0.3	0.8	-0.3	15.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	101,303 (4.3)	1.4	7.7	6.4	50.3	16.5	17.9	1.1	1.0	0.7	-0.7	-2.1	2.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	154,062 (6.6)	0.0	8.7	6.7	18.8	12.2	12.6	1.1	0.9	-0.3	-0.8	-1.0	7.0
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	118,029 (5.0)	0.0	4.6	3.9	14.6	24.0	22.5	0.9	0.7	0.0	-1.1	0.5	7.9
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	29,718 (1.3)	4.2	4.7	4.3	23.3	24.5	20.1	1.0	0.9	0.0	0.5	3.2	22.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	415,264 (17.7)	14.0	6.8	4.3	26.5	19.9	25.3	1.1	0.9	0.7	-2.3	7.1	20.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	72,268 (3.1)	0.0	6.2	5.4	37.4	20.6	20.5	1.1	0.9	1.1	0.9	2.8	12.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	44,182 (1.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.0	2.6	3.4	-16.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	22,264 (0.9)	21.0	13.7	12.8	15.8	10.7	11.0	1.5	1.4	-1.2	-1.7	-5.0	-6.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,087 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.9	-0.4	4.9	10.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	411,533 (17.5)	55.4	21.6	17.7	-3.2	7.3	8.9	1.5	-	0.2	-1.5	5.6	27.4
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	160,219 (6.8)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.0	0.1	9.3	46.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	120,527 (5.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.5	2.5	6.0	32.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	348,894 (14.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.6	-0.9	8.9	18.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	100,492 (4.3)	42.1	16.0	14.4	4.0	29.5	31.8	4.5	4.2	0.0	-2.2	-5.5	-11.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,389 (0.8)	36.9	18.9	17.2	7.3	21.3	21.3	3.8	3.4	-1.6	-3.2	-9.1	-6.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	59,358 (2.5)	16.5	32.8	16.4	-51.9	9.7	16.0	3.6	2.9	0.0	-0.6	0.8	-22.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	24,260 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.3	1.9	10.1	-8.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	55,923 (2.4)	11.0	84.8	46.0	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.1	-0.6	3.0	-10.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	36,048 (1.5)	10.8	12.0	15.7	-57.0	22.4	12.0	1.8	1.7	-0.4	-1.6	-6.4	9.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	109,950 (4.7)	38.4	13.9	11.3	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	3.3	15.0	22.3	34.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	187,926 (8.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.5	6.0	17.2	21.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	36,568 (1.6)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	0.0	1.1	9.4	94.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	29,667 (1.3)	0.0	10.1	9.2	-4.5	14.7	14.9	1.3	1.3	0.8	4.8	10.3	-1.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	33,493 (1.4)	46.1	15.4	15.6	-17.5	18.9	17.8	2.8	2.7	-1.1	-1.3	0.3	-7.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,291 (1.0)	31.4	13.5	13.1	-10.5	15.5	16.0	2.1	2.1	0.0	3.6	8.8	14.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,921 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-0.3	0.3	2.3	21.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	389,079 (16.6)	18.0	13.7	9.9	21.9	9.3	12.1	1.2	1.1	-0.5	-3.2	-4.1	17.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	56,815 (2.4)	36.5	5.8	8.7	-0.5	16.6	11.6	0.8	0.9	1.0	-2.0	-3.1	-26.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	49,091 (2.1)	46.5	12.3	9.1	-4.5	12.6	13.3	1.1	1.1	0.9	0.2	2.2	-10.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	200,207 (8.5)	38.9	31.8	10.2	67.9	-0.7	7.4	0.8	0.7	-1.0	-1.3	-2.2	32.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	67,849 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.5	-0.9	7.4	59.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	23,981 (1.0)	4.6	16.6	1.4	-51.0	11.2	37.8	1.9	0.7	0.8	0.1	2.0	18.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	122,960 (5.2)	39.9	19.1	11.7	-11.9	3.9	7.3	0.9	0.9	-0.4	1.7	15.2	33.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	54,031 (2.3)	35.9	8.0	6.9	2.2	13.8	14.3	1.0	0.9	-0.2	1.9	1.9	-4.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	64,789 (2.8)	0.0	17.6	10.8	14.4	12.8	18.9	2.1	1.9	0.5	-0.3	-0.5	-11.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	24,974 (1.1)	0.0	13.1	10.8	2.4	21.3	22.5	2.4	2.1	1.1	-0.7	-4.8	-19.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,110 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	3.5	4.8	19.7	33.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	29,411 (1.3)	30.3	34.2	16.5	-75.2	12.9	18.2	3.3	2.8	0.3	1.1	-1.7	-8.7
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,083 (1.0)	34.6	10.6	10.6	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	0.3	6.5	13.3	16.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,503 (0.3)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.6	24.6	3.0	2.5	-1.8	1.7	6.1	31.9
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	61,029 (2.6)	0.0	15.3	12.6	15.5	26.9	27.4	3.8	3.3	-0.1	0.4	6.1	8.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên phân tích cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyennd1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuannnd@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.